

Số: 506/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 569/QĐ-UBND
ngày 24/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 15/11/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng lưu vực thủy điện Cà Đú, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án Hợp nhất các Ban Quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thành Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất 07 Ban Quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh hiện nay,

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 809/TTr-SNNPTNT ngày 03/4/2019 về việc điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng lưu vực thủy điện Cà Đú, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi như sau:

1. Điều chỉnh tên chủ rừng tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng được quy định tại: tiết 1 điểm e khoản 4, Điều 1, Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 24/4/2015: Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi.

2. Điều chỉnh hệ số K₄ điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định tại: tiết f4 điểm f khoản 4, Điều 1,

Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 24/4/2015: Hệ số K_4 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Hệ số K_4 có giá trị bằng: 1,00 đối với xã thuộc khu vực III; 0,95 đối với xã thuộc khu vực II; 0,90 đối với xã thuộc khu vực I.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), CN-XD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak209.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bính